

bái yún zài tiān shàng , shuō zhe fēng de gù shi ,

wǒ men zài xiào yuán , xiě zhe wǒ men de gù shi ,

xiào yuán lǐ yǒu xiào shēng yé yǒu lèi shuǐ ,

hái yǒu wǒ men yì qǐ chéng zhǎng de diǎn dī 。

的

说

写

笑

园

起

里

上

事

故

我

我

还

白

在

也

的

泪

故

在

成

有

天

声

们

园

我

着

事

们

着

水

的

一

校

风

有

长

点

云

滴

们

校

有

二年级



汉语拼音大比拼



